

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Đông và bà Nguyễn Thị Quy

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 30-11-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 26-5-2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-10-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14-11-2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-4-2022, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Theo bà T, bà và ông K tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo tập quán nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2003 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T do ông K lo ăn nhậu, cờ bạc về nhà đánh đập bà, bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông K không sửa đổi. Vợ chồng không còn chung

sống với nhau từ tháng 4/2022. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con: Theo bà T, vợ chồng có 05 (Năm) người con là Lê Thị Kim X, sinh ngày 10-8-1993; Lê Thị Mỹ K2, sinh ngày 21-5-1995; Lê Thị Mỹ T2, sinh ngày 20-4-1997; Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 20-12-2000 và Lê Tuấn A, sinh ngày 01-6-2009.

Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Tuấn A, sinh ngày 01-6-2009, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con X, K2, T2 và L hiện đã thành niên và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà T tự thỏa thuận với ông K nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Theo bà T, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên bà T đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn ông Lê Tuấn K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông K, kết quả xác minh như sau:

Bà T, ông K chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông K thường hay la mán lớn tiếng, đập phá đồ đạc trong nhà, hiện nay bà T và ông K đã sống ly thân. Bà T, ông K có 05 người con chung, các con đều đã trưởng thành chỉ còn cháu Tuấn Anh còn nhỏ đang sống cùng bà T.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy

đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K. Đề nghị giao con Lê Tuấn A, sinh ngày 01-6-2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con Lê Thị K2 X, sinh ngày 10-8-1993; Lê Thị Mỹ K2, sinh ngày 21-5-1995; Lê Thị Mỹ T2, sinh ngày 20-4-1997; Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 20-12-2000, hiện đã thành niên nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Tuấn K, tranh chấp về nuôi con Lê Tuấn A, sinh ngày 01-6-2009. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Lê Tuấn K có nơi cư trú tại: ấp A, xã B, huyện Định Quán, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông K, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Bà T yêu cầu ly hôn với lý do quá trình chung sống ông K lo ăn nhậu, cờ bạc về nhà đánh đập bà, bà T đã cố gắng chịu đựng nhưng ông K không sửa đổi. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định bà T và ông K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định, nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K.

[4] Về con: Bà T và ông K có 05 (Năm) người con là Lê Thị K2 X, sinh ngày 10-8-1993; Lê Thị Mỹ K2, sinh ngày 21-5-1995; Lê Thị Mỹ T2, sinh ngày 20-4-1997; Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 20-12-2000 và Lê Tuấn A, sinh ngày 01-6-2009.

Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Tuấn A, sinh ngày 01-6-2009, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, con chung sống cùng bà T, do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để không xáo trộn đời sống của con trẻ cần tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung mong muốn được sống cùng mẹ. Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với các con X, K2, T2 và L hiện đã thành niên và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân, bà T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Lê Tuấn K là vợ chồng.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Lê Tuấn K.

Giao con Lê Tuấn A, sinh ngày 01-6-2009 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với các con là Lê Thị K2 X, sinh ngày 10-8-1993; Lê Thị Mỹ K2, sinh ngày 21-5-1995; Lê Thị Mỹ T2, sinh ngày 20-4-1997; Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 20-12-2000, hiện đã thành niên và có khả năng lao động, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết; về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003580 ngày 26-5-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Phường